TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 05/6/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Huy Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng Quân;
2. Ông Nguyễn Trọng Kiêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX- ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm A,XĐ , huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm TC, XT, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2018 và các tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tổ chức đám cưới theo phong tục vào ngày 11/9/1993 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, các đương sự cùng sống chung tại thôn TC, XT đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, từ đó đến nay không có quan hệ gì, nguyên nhân do tính cách của hai người không hợp nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nguyên đơn yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Hoàng Văn Th và xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung các đương sự có 01 con chung Hoàng Văn N sinh năm 1994, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn khai thống nhất với nguyên đơn về quan hệ tình cảm vợ chồng, từ khi sống chung với nhau chưa có đăng ký kết hôn nay vợ đã bỏ đi từ năm 2000 không về nhà, không quan tâm gì đến nhau chị H yêu cầu ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật, về con chung đã trưởng thành, quan hệ tài sản chung không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã XT nơi đăng ký thường trú của các đương sự, Ủy ban nhân dân xã XĐ nơi gia đình mẹ đẻ nguyên đơn sinh sống trước khi kết hôn và sau khi ly thân đều khẳng định các đương sự không có đăng ký kết hôn. Xác minh qua anh Hoàng Văn Xanh trai bị đơn cũng khẳng định các đương sự không đăng ký kết hôn và cho biết chị H đã bỏ đi từ lâu không sống chung với anh Th.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Vụ án được thụ lý và tiến hành giải quyết theo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có hôn nhân thực tế nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa các đương sự chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn Th, Con chung của các đương sự đã trưởng thành và quan hệ tài sản chung các đương sự không yêu cầu miễn xét. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do phiên tòa tạm hoãn, lần thứ hai phiên tòa được mở nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Căn cứ vào thẩm quyền về vụ việc và thẩm quyền về lãnh thổ thì vụ án do Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng 2 lần mở phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX mở phiên tòa và căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

2. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn Th. Qua kết quả xác minh tại cơ quan có thẩm quyền, tài liệu nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự có đủ căn cứ khẳng định các đương sự có hôn

nhân thực tế, có thời gian sống chung, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ làm đám cưới theo phong tục tập quán.

Tuy nhiên, theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 luật có hiệu lực tại thời điểm các đương sự sống chung quy định:

Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, pH, thị trấn nơi tH trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định.

...

Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh yêu cầu không công nhận là vợ chồng quy định:

Điều 9. Đăng ký kết hôn

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

1.Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Điều 53:...

2.Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn có thời gian sống chung như vợ chồng có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên không phát sinh các quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận.

Nay nguyên đơn làm đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng và xin ly hôn, HĐXX cần căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, 2014; Điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000QH10; Khoản 4 điều 3 TTLT số 01/2016/TTLT-TATC-VKSTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

3. Về con chung: Không yêu cầu HĐXX miễn xét.

4. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu HĐXX miễn xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147, điểm a, b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử không công nhận chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn Th là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000588, ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh nay không phải nộp tiếp.

Vụ án được xét xử công khai các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Nghi Xuân;*
- *THA huyện Nghi Xuân;*
- *TAND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *UBND xã XT;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Huy Bình